TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2026
Về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quang Kim Cúc
2. Ông Nguyễn Phát Triển

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 328/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số 328/TB-TĐTGMPT ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Ngọc T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số B, ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số C, ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hữu D (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các văn bản ý kiến, biên bản lời khai cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Hữu D do mai mối nên quen biết và có tìm hiểu nhau trước khi tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L (cũ), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 11/5/2023.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2024 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai không còn tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị Trần Ngọc T nhận thấy không còn tình cảm với anh D, không muốn trở về đoàn tụ chung sống vì cuộc sống chung không hạnh phúc. Do đó, nay chị Trần Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh D;

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 03/10/2023, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản ý kiến ngày 09/01/2026 về phía bị đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Dũng thống nhất theo lời trình bày của chị T. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh D đồng ý.

- Về con chung: Thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của chị T, đồng ý giao con chung Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 03/10/2023 cho chị T nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử *(viết tắt HĐXX)* nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung". Bị đơn cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Hữu D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, chị Trần Ngọc T với anh Nguyễn Hữu D chung sống như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2023 tại UBND xã V, huyện L cũ (hiện nay là xã L), tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thời gian đầu sống hạnh phúc. Sau đó năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, cả hai không còn tiếng nói chung, nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng

10 năm 2025 đến nay. Do đó, nay chị T yêu cầu được ly hôn anh D, không đồng ý trở về đoàn tụ chung sống.

Về phía anh Nguyễn Hữu D mặc dù không đến Tòa án nhưng có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án. Tại văn bản ý kiến ngày 09/01/2026 của anh D trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Do đó, HĐXX xét thấy mâu thuẫn của chị Trần Ngọc T với anh Nguyễn Hữu D trình bày như trên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2025 đến nay. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn anh D là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Hữu D xác định có 01 con chung tên Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 03/10/2023 hiện chị T nuôi con. Chị T yêu cầu sau khi ly hôn, chị T được quyền tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tại văn bản ý kiến ngày 09/01/2026 về phía anh Nguyễn Hữu D trình bày thống nhất giao con cho chị T nuôi. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con chung của chị T và anh D là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này chị T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị T và anh D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 264, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Ngọc T. Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Hữu D ly hôn.

2. Về con chung: Chị Trần Ngọc T được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Tuệ L, sinh ngày 03/10/2023 (hiện chị T nuôi con).

Chị Trần Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hữu D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không có

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Ngọc T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0006752 ngày 03/11/2025 tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được chuyển thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng bị đơn anh Nguyễn Hữu D vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV7 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA,VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Mộng Thúy